

Bản án số: 59/2019/HS-PT
Ngày 27-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Hùng Nuôi
2/ Bà Tôn Thị T1 Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đào Tiến Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T, Lý T1 do có kháng cáo của các bị cáo H, T và T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Ngọc H (tên gọi khác: T); Sinh năm 1985; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc H và bà Lâm Thị L; Có vợ và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13 tháng 8 năm 2018; (có mặt).

2. Huỳnh Thành T; Sinh năm 1984; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Thợ sửa điện tử; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Kim T và bà Bùi Thị L; Vợ Lương Kiều N, chưa có con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13 tháng 8 năm 2018; (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thành T: Ông Triệu Du N – Luật sư – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Lý T1 (tên gọi khác: P); Sinh năm 1983; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp K, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 3/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý S và bà Nguyễn Thị K; Có vợ và 03 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13 tháng 8 năm 2018; (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý T1:* Ông Trần Quốc D – Luật sư của Văn phòng luật sư Quốc D thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm:* Bị cáo Bùi Trung H1, Quách Thanh V, Trương Khả P, Lý Văn T3, Danh C, Quách D; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N, ông Huỳnh Văn T2; Người làm chứng Bùi Ngọc T1, Nguyễn Phước Tùng, Lương Kiều Nhi

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 55 phút ngày 06-4-2018, Phòng Cảnh sát điều tra hình sự, Công an tỉnh Sóc Trăng bắt quả tang tại nhà ấp T, xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng do vợ chồng Bùi Trung H1 và Quách Thanh V quản lý, đang có 02 tụ điểm đánh bạc ăn thua bằng tiền. Trong đó, tụ điểm đánh bài phỏm có 02 người tham gia là Huỳnh Văn T2 và Bùi Thị N; tụ điểm lắc bầu cua có 07 người tham gia là Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T, Lý Văn T3, Danh C, Quách D, Lý T1 và Trương Khả P. Tang vật thu giữ gồm:

- Thu giữ trên chiếu bạc lắc bầu cua: tiền Việt Nam 11.610.000 đồng; 01 bộ bầu cua gồm 03 hột; 01 cái nắp nhựa màu xanh; 01 cái mâm bằng kim loại; 01 tấm giấy hình bầu cua.

- Thu giữ xung quanh chiếu bạc lắc bầu cua: tiền Việt Nam 8.883.000 đồng; 02 bộ bầu cua gồm 06 hột; 02 cái nắp nhựa màu xanh – trắng có dán băng keo đen; 02 cái mâm bằng kim loại.

- 01 bộ bài tây 52 lá.

- Thu giữ xung quanh chiếu bạc đánh bài phỏm: tiền Việt Nam 2.200.000 đồng.

- Thu giữ của các bị cáo các T sản sau:

+ Bị cáo H1: 20.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone đã qua sử dụng.

+ Bị cáo V: 150.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo đã qua sử dụng.

+ Bị cáo T3: 500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển số 52Z3-4633.

+ Bị cáo C: 710.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu LV Mobile Lv6s, đã qua sử dụng.

+ Bị cáo D: 200.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Mastel đã qua sử dụng.

+ Bị cáo T1: 50.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng đã qua sử dụng.

+ Bị cáo P: 190.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 83P2-786.27.

+ Bị cáo T: 50.000 đồng.

+ Bị cáo H: 1.590.000 đồng.

- Thu giữ của bà Bùi Thị N: 6.900.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng.

- Thu giữ của ông Huỳnh Văn T2: 2.720.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Philips cũ và 01 xe mô tô biển số 83P2-174.46.

- Thu giữ của chị Lương Kiều N: 470.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 83P2-88458 và tiền để trong xe máy là 52.190.000 đồng.

- Thu giữ của anh Nguyễn Phước T: 2.530.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 83PT-312.15.

- Thu giữ 01 điện thoại hiệu Sony nhãn hiệu Xperia màu xám – đen đã qua sử dụng, để trong thùng nhựa không biết của ai.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định 02 chiếu bạc tại quán nước của H1, V diễn ra trong 10 ngày trước khi bắt quả tang. Các đối tượng này đến quán uống nước và tự rủ nhau mượn chỗ đánh bạc, có khoảng 08 đến 10 người tham gia. H1, V cho mượn chỗ đánh bạc là nhằm có khách đến quán uống nước, thuốc hút, bán bài để tăng thêm thu nhập.

Hành vi trên của ông Huỳnh Văn T2 và bà Bùi Thị N đã bị Công an huyện MT xử phạt vi phạm hành chính ngày 31-8-2018 vì có hành vi tham gia đánh bạc trái phép thông qua hình thức chơi bài phỏm ăn thua bằng tiền.

Bị cáo H1 khai: Cha của bị cáo là ông Bùi Ngọc T1 cho bị cáo cùng vợ là Quách Thanh V quản lý bên hông nhà để mở quán bán nước để có thu nhập riêng. Tại đây diễn ra tụ điểm đánh bạc được 10 ngày. Ngày 06-4-2018 trong quán có 02 tụ điểm đánh bạc là đánh bài phỏm và lắc bầu cua thì bị Công an đến bắt quả tang. H1 cho khách đến chơi bạc để bán nước, thuốc hút và bán bài để tăng thu nhập. Sau đó thì H1 thay đổi lời khai, bị cáo cho rằng các tụ điểm đánh bạc tồn tại nhiều ngày nhưng H1 không để ý, do thường xuyên vắng nhà, đến ngày bị bắt thì Hiếu mới biết là đánh bài và bầu cua ăn tiền.

Bị cáo V khai: Phần quán nước cha ruột của bị cáo H1 là ông Bùi Ngọc T1 đã giao cho vợ chồng H1, V quản lý để buôn bán. Tụ điểm lắc bầu cua ăn tiền tại quán nước đã diễn ra được khoảng 10 ngày trước khi bị bắt. Ông T1 có la rầy vợ

chồng V không nên cho khách chơi đánh bạc, nhưng để có thu nhập từ việc buôn bán nên H1, V không ngăn cản. Ngoài bán nước, thì V còn bán bộ bài cho khách, khi khách trả tiền chi phí nước uống dư thì không cần trả lại. Việc đánh bạc vào ngày 06-4-2018 H1 biết rõ. Sau này bị cáo V thay đổi lời khai, cho rằng bị cáo chỉ bán nước uống, không bán bài và ngày 06-4-2018 bị cáo H1 ngủ nên không biết có tụ điểm lặt bầu cua ăn tiền tại quán, đến khi thức dậy vừa đem nước cho khách thì Công an vào bắt quả tang.

Bị cáo H khai nhận: Bị cáo có đến quán nước của H1, V lặt bầu cua ăn thua bằng tiền. Bị cáo làm cái khoảng 3 – 4 lần, có thắng, có thua. Bị cáo và bị cáo T đều có bộ lặt bầu cua. Ngày 06-4-2018 bị cáo mang theo 1.790.000 đồng để lặt bầu cua ăn tiền; những ngày trước bị cáo thường đưa tiền xâu cho V 50.000 đồng, hôm bị bắt chưa đưa tiền xâu; bị cáo H và bị cáo T thay phiên nhau làm cái, H làm cái khoảng 10 ván, thua 200.000 đồng, số tiền còn lại nếu không bị bắt thì bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Sau này bị cáo thay đổi lời khai: Bị cáo làm cái 02 ván; H1, V không thu tiền xâu nhưng khách thường trả tiền dư khi T1 toán nước uống, thì không phối lại.

Bị cáo T khai nhận: Bị cáo có đến quán H1, V lặt bầu cua ăn tiền, làm cái được 2 - 3 lần, có thắng, có thua. Bị cáo và bị cáo H đều có bộ lặt bầu cua. Ngày 06-4-2018 bị cáo mang theo 1.200.000 đồng để đánh bạc bằng hình thức lặt bầu cua ăn tiền. Bị cáo T và H thay phiên nhau làm cái. T làm cái được khoảng 08 ván, thua 1.150.000 đồng; khi bị bắt bị tạm giữ 50.000 đồng, nếu không bị bắt thì T dùng số tiền này để đánh bạc. Sau đó, bị cáo khai chỉ đem 600.000 đồng, mua bộ hột lặt bầu cua 15.000 đồng, trả tiền nước uống, thuốc hút cho nhiều người, nên còn lại 500.000 đồng; tham gia làm cái 02 ván, đặt 02 ván, thua 450.000 đồng, khi bị bắt còn 50.000 đồng.

Bị cáo T3 khai nhận ngày 06-4-2018 là lần đầu tiên bị cáo đến quán H1, V lặt bầu cua ăn tiền. Bị cáo mang theo 700.000 đồng. Bị cáo H và T thay nhau làm cái và quy định mỗi tụ đặt 500.000 đồng trở xuống. Bị cáo tham gia đặt khoảng 10 ván, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, bị cáo thua 200.000 đồng, bị tạm giữ 500.000 đồng.

Bị cáo C khai: Ngày 06-4-2018, bị cáo đến quán của H1, V uống nước, thấy có đánh bài phỏm và lặt bầu cua ăn tiền, bị cáo đem theo 510.000 đồng và bị cáo tham gia chơi lặt bầu cua. Bị cáo H và T thay phiên làm cái, quy định tiền mỗi cửa cho người chơi đặt từ 250.000 đồng trở xuống. Bị cáo đặt khoảng 5 – 6 ván, mỗi ván từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng; đã thắng 200.000 đồng, bị tạm giữ 710.000 đồng.

Bị cáo D khai: Trước ngày 06-4-2018, bị cáo đến quán H1, V lặt bầu cua ăn tiền được 7 – 8 lần, có thắng, có thua. Ngày 06-4-2018, bị cáo mang theo 200.000 đồng đến quán uống nước, tại đây bị cáo tham gia đánh bầu cua ăn tiền. Bị cáo đặt 01 ván 50.000 đồng do bị cáo H làm cái. Bị cáo thắng và nhận tiền từ H, định đặt ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang. Bị cáo thấy bị cáo H, T thay nhau làm cái, các hột bầu cua là của bị cáo H và T. Khi bị bắt, bị cáo bị tạm giữ số tiền 200.000 đồng.

Bị cáo T1 khai: Vào ngày 06-4-2018, bị cáo mang theo 352.000 đồng, đến quán vợ chồng H1, V uống cà phê. Bị cáo thấy phía trước có bà N và ông Huỳnh Văn T2 chơi đánh bài phỏm ăn tiền, phía sau nhà có khoảng 7 – 8 người chơi lắc bầu cua ăn tiền. Bị cáo vào tham gia chơi lắc bầu cua được 08 ván, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, có thắng, có thua. Khi bị bắt thì thua 100.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 50.000 đồng, số tiền còn lại bị rút trong số tiền bị thu trên chiếu bạc. Sau này bị cáo khai là chỉ tham gia chơi và đặt có 02 ván và thua 100.000 đồng.

Bị cáo P lúc đầu khai nhận trước ngày bị bắt có đến nhà H1, V tham gia chơi lắc bầu cua ăn tiền khoảng 5 - 6 lần, có thắng, có thua. Khoảng 14 giờ ngày 06-4-2018, P đến quán của vợ chồng H1, V uống cà phê. P thấy phía trước quán có bà N và ông Huỳnh Văn T2 chơi đánh bài phỏm ăn tiền, còn phía sau nhà có khoảng 7 – 8 người chơi lắc bầu cua ăn tiền, do H và T thay phiên nhau làm cái, nên P vào chơi. P đem theo 1.800.000 đồng, đã trả nợ cho anh Nguyễn Phước T 1.100.000 đồng, nên còn lại 700.000 đồng. P tham gia đặt khoảng 15 ván, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Đến khi bị bắt quả tang, P thua 510.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 190.00 đồng. Nhưng sau đó P khai chỉ tham gia chơi và đặt 08 ván thua 510.000 đồng

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N, ông Huỳnh Văn T2; người làm chứng là anh Nguyễn Phước T và chị Lương Kiều N.

2. Về tội danh và hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc H (tên gọi khác: T) phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Thành T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lý T1 (tên gọi khác: P) phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lý T1 (tên gọi khác: P) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Khả P phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trương Khả P 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lý Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T3 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2019).

Giao bị cáo Lý Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh C phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Danh C 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2019).

Giao bị cáo **Danh C** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Quách D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Quách D 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2019).

Giao bị cáo Quách D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.8. Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 319 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Trung H1 phạm “Tội gá bạc”.

Xử phạt bị cáo Bùi Trung H1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2.9. Căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 322; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Quách Thanh V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung:

3.1. Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc H (tên gọi khác: T) số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Thành T số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Lý T1 (P) số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Trương Khả P số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Lý Văn T3 số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Danh C số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Quách D số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3.2. Căn cứ khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bổ sung bị cáo Bùi Trung H1 số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt bổ sung bị cáo Quách Thanh V số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Ngày 19-7-2019, bị cáo Huỳnh Thành T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 23-7-2019, bị cáo Lý T1 kháng cáo xin được hưởng án treo

Ngày 27-7-2019, bị cáo Trần Ngọc H kháng cáo xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Huỳnh Thành T, Lý T1, Trần Ngọc H bổ sung nội dung kháng cáo là xin giảm án và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp

nhận kháng cáo xin giảm án của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh T; không chấp nhận kháng cáo xin giảm án và xin được hưởng án treo của bị cáo Lý T1; căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T sửa một phần bản án sơ thẩm của tòa án nhân dân huyện MT.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thành T trình bày: Bị cáo Huỳnh Thành T có nhân thân tốt, phạm tội lần thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo bị cắt một chân, bệnh cao huyết áp, bị cáo có bà cô là người có công với cách mạng. Bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Huỳnh Thành T được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày Lý T1 trình bày: Bị cáo Lý T1 có nhân thân tốt, phạm tội lần thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo thật thà khai báo gia đình bị cáo khó khăn. Bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Lý T1 được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo Huỳnh T1 T lập ngày 17-7-2019 và nộp ngày 19-7-2019; bị cáo Lý T1 lập và nộp ngày 24-9-2019 và bị cáo Trần Ngọc H lập ngày 23-7-2019 và nộp ngày 24-7-2019 cho Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thành T, Lý T1 và Trần Ngọc H về việc xin được giảm án và hưởng án treo.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T và Lý T1 như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo H, T, T1 khai nhận Vào ngày 06-4-2018 tại quán cà phê của Bùi Trung H1 và Quách Thanh V tọa lạc ấp Trà Lây 1, xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng, các bị cáo H, T, T1, P, T3, C, D tham gia đánh bạc bằng hình thức lắc bầu cua ăn thua bằng tiền, với số tiền thu trên chiếu bạc lắc bầu cua là 11.610.000 đồng (mười một triệu, sáu trăm mười nghìn đồng) và xung quanh chiếu bạc lắc bầu cua là 8.883.000 đồng (tám triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) và thu của các bị cáo tổng cộng là 3.460.000 đồng (ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Khi Công an vào bắt quả tang thì tất cả những người đánh bạc đều có mặt và tổng số tiền dùng để tham gia đánh bạc là 23.783.000 đồng (hai mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T, Lý T1 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm án của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T và Lý T1: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T và Lý T1 là các bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 09 tháng tù, bị cáo Huỳnh Thành T 07 tháng tù và bị cáo Lý T1 06 tháng tù là có căn cứ và đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét về kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T và Lý T1: Xét điều kiện để hưởng án treo của các bị cáo H, T, T1 thì thấy, các bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, các bị cáo có nhân thân tốt, có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo, tuy nhiên, hành vi của bị cáo Trần Ngọc H và Huỳnh Thành T là người cung cấp bộ bầu cua và người làm cái cùng bị cáo T1 thực hiện hành vi đánh bạc bằng cách lắc bầu cua ăn tiền. Do đó tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý tù giam để nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối lý do mà bị cáo Trần Ngọc H đưa ra là vào năm 2011 bị cáo bị gãy thương tích 48% chân bị cáo yếu, bị cáo Huỳnh Thành T cho rằng bị cáo bị cụt một chân nhưng các bị cáo H, T không cung cấp được giấy xác nhận các bị cáo là người tàn tật của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T và Lý T1.

[5] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh T; không chấp nhận kháng cáo xin giảm án và xin được hưởng án treo của bị cáo Lý T1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện MT là chưa phù hợp với tình hình phòng chống tội phạm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên thấy rằng lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Thành T, Lý T1 là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm là 200.000đ vì đơn kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo của các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T và Lý T1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T và Lý T1.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H (tên gọi khác: Tý) 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Ngọc H (tên gọi khác: T) số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Thành T 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Thành T số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Lý T1 (tên gọi khác: P) 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bổ sung bị cáo Lý T1 (tên gọi khác: P) số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử buộc các bị cáo Trần Ngọc H, Huỳnh Thành T, Lý T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm

4. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện MT (06);
- VKSND huyện MT (01);
- Công an huyện MT (01);
- CQTHAHS- Công an huyện MT (03)
- CSĐT- Công an huyện MT; (01)
- Chi cục THADS huyện MT (01);
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Bị cáo, (04);
- PKTNV-THA - TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu HSVA, THS, THCTP (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu